

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2018/HS-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy, ông Trịnh Văn Nhất.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1983, tên gọi khác: Không, nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nghề nghiệp: Tự do; văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ: Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1950; mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Bản án số 23/2014/HSST ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt K 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 5.000.000đồng và 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung;

Tiền sự: Chưa có; nhân thân: Quyết định số 39/QĐ-XPHC ngày 13/05/2013 của Công an phường L, thành phố B xử phạt K 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 182/QĐ-XPHC ngày 18/06/2013 của Công an phường H, thành phố B xử phạt K 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang theo Quyết định tạm giam số 18/2018/QĐTG, ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Phạm Hải Long, sinh năm 1972.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, phường T, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 20/12/2017, tại khu vực dốc bờ đê C, phường P, thành phố B, tổ công tác Công an phường T, thành phố B bắt quả tang Nguyễn Văn K có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xi lanh nhựa loại 3ml/cc bên trong có chứa dung dịch màu trắng, nghi là dung dịch ma túy Hêrôin, thu tại lòng bàn tay phải của K;

- 01 vỏ lọ nước cất Novocain 3%; 01 điện thoại di động Iphone, màu trắng và 01 điện thoại di động Nokia, màu đen.

Tổ công tác niêm phong tại chỗ vật chứng nghi ma túy vào 01 (một) phong bì thư dán kín, đưa người về Công an phường T lập biên bản kiểm soát và bàn giao cho Công an thành phố B giải quyết.

Kết luận giám định số 6440/C54(TT2) ngày 29/12/2017, Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: “Dung dịch màu trắng trong xi lanh nhựa loại 03ml gửi giám định có Heroine, thể tích dung dịch màu trắng là 1,3ml. Nồng độ Heroine trong dung dịch là 10,0 (mg/ml).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn K khai nhận: Khoảng 03 giờ 30 ngày 20/12/2017, K đi bộ từ công viên Ngô Gia Tự, thành phố B đến khu vực bờ đê C, phường P, thành phố B mua ma túy để sử dụng. Tại đây, K gặp một nam thanh niên tên T rủ K góp tiền mua ma túy sử dụng, K đồng ý đưa cho Tiến 50.000 đồng. Tiến cầm tiền đi mua ma túy, còn K đi xuống dốc bờ đê C mua 01 xi lanh nhựa và 01 lọ nước cất Novocain để sử dụng ma túy. Một lúc sau, Tiến quay lại đưa cho K một nửa tép ma túy. K cầm gói ma túy đi bộ xuống chân dốc C, cho ma túy và nước cất vào trong xi lanh nhựa hòa tan định sử dụng, thì bị Công an phường T bắt quả tang.

Người thanh niên tên T rủ K góp tiền mua ma túy, do K không biết họ tên, địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động bị tạm giữ, K khai do 03 nam thanh niên không quen biết cầm cố cho K với giá 500.000 đồng vào rạng sáng ngày 20/12/2017 tại khu vực C, phường P, thành phố B. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng 02 chiếc điện

thoại trên cùng 01 phong bì thư đựng mẫu vật niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định và 01 vỏ lọ nước cất Novocain để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 13 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật niêm phong hoàn lại sau giám định và 01 vỏ lọ nước cất Novocain.

Trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại: 01 chiếc Iphone màu trắng và 01 chiếc Nokia màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trước ngày 01/01/2018 ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, các quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có lợi hơn cho bị cáo so với quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 về khung hình phạt. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 09/01/2018 của Quốc Hội, cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để

xét xử đối với bị cáo.

[3] Về tội danh: Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 20/12/2017, bị cáo K bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 1,3 ml dung dịch chất ma túy Hêrôin có nồng độ chất ma túy Hêrôin trong dung dịch là 10,0 mg/ml để sử dụng. Theo quy định tại điểm g tiểu mục 3.6 và điểm a tiểu mục 3.7 mục 3 phần II thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999 xác định hành vi phạm tội của bị cáo bị xét xử năm 2014 là yếu tố định khung hình phạt do vậy hành vi phạm tội của bị cáo lần này đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sới mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đảng và Nhà nước đang quyết tâm loại trừ tệ nạn này. Nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý phạm tội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét về nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội “ Trộm cắp tài sản” và hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa cho bản thân, do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có điều kiện kinh tế để đảm bảo thi hành án nên miễn áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Người đàn ông tên T rủ K góp tiền mua ma túy, do K khai không biết họ tên, tuổi và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra xử lý.

[10] Về vật chứng của vụ án: 01 phong bì thư đựng mẫu vật niêm phong hoàn lại sau giám định và 01 vỏ lọ nước cất Novocain cần tịch thu tiêu hủy.

02 chiếc điện thoại: 01 chiếc Iphone màu trắng và 01 chiếc Nokia màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;
Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 47; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật niêm phong hoàn lại sau giám định và 01 vỏ lọ nước cất Novocain

Trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại: 01 chiếc Iphone màu trắng và 01 chiếc Nokia màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương